

Số: 18/NQ-HĐND

Mỹ Lộc, ngày 14 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021-2025 huyện Mỹ Lộc**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN MỸ LỘC
KHOÁ X, KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về
hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét Tờ trình 5116/TTr-UBND ngày 11/12 /2023 của UBND huyện Mỹ Lộc về
việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 huyện Mỹ
Lộc; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến
thảo luận của các đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đồng ý điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-
2025 huyện Mỹ Lộc như sau:

1. Đồng ý điều chỉnh tổng nguồn thu dành cho đầu tư công trung hạn giai
đoạn 2021-2025 là: 1.718,116 tỷ đồng, trong đó:

* Ngân sách Trung ương : 34,000 tỷ đồng

* Ngân sách địa phương : 1.684,116 tỷ đồng

Bao gồm:

- Nguồn vốn thu tiền đất kế hoạch hàng năm	633,797 tỷ đồng
- Tổng nguồn vốn thu từ tiền đất đấu giá KĐT, KDC	1.050,319 tỷ đồng
+ Nguồn vốn từ gũ 2016-2020 chuyển sang	23,654 tỷ đồng
+ KĐT thị trấn Mỹ Lộc	351,854 tỷ đồng
+ KDC tập trung xóm 5 xã Mỹ Hưng	134,000 tỷ đồng
+ KDC tập trung xã Mỹ Hà	39,900 tỷ đồng
+ KDC tập trung xã Mỹ Hà (giai đoạn 2)	134,660 tỷ đồng
+ KDC tập trung thôn An Cổ xã Mỹ Thành	286,000 tỷ đồng
+ KDC tập trung xóm 3 xã Mỹ Trung	79,800 tỷ đồng

2. Đồng ý phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn

2021- 2025 huyện Mỹ Lộc (NSDP - phần ngân sách huyện được quản lý điều hành): 189,980 tỷ đồng.

Tròng đó:

- Chi công tác chuẩn bị đầu tư	3,962 tỷ đồng
- Đầu tư các công trình, dự án đầu tư công của huyện	141,496 tỷ đồng
- Chi sự nghiệp có tính chất đầu tư	8,134 tỷ đồng
- Chi hỗ trợ	36,388 tỷ đồng
- Dự phòng	0 tỷ đồng

3. Đồng ý phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021- 2025 huyện Mỹ Lộc (NSDP-phần điều tiết cho xã có đất bị thu hồi để làm các KĐT, KDC tập trung): 79,262 tỷ đồng.

4. Đồng ý kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn NSTW để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025: 34,000 tỷ đồng.

5. Đồng ý tên danh mục và mức bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021- 2025 huyện Mỹ Lộc.

(Chi tiết theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Mỹ Lộc X, kỳ họp thứ mười thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 14 tháng 12 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Sở TP; Sở KH&ĐT; Sở TC;
- Tổ đại biểu HĐND tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy;
- Như Điều 2, Điều 3;
- Ủy ban MTTQ huyện;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể của huyện;
- HĐND - UBND các xã, thị trấn;
- Công TTĐT huyện; Trung tâm VH TT&TT huyện;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Quốc Lập



Biểu 01a-ĐTC TH

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH SỐ THU TỪ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT KHI GIAO ĐẤT, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT THEO KẾ HOẠCH HÀNG NĂM ĐƯỢC UBND TỈNH PHÊ DUYỆT CHO CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN (TRỪ CÁC KHU ĐẤT ĐÃ ĐƯỢC ĐẦU TƯ HẠ TẦNG HOẶC CÓ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ HẠ TẦNG), THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT KHI CÔNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CHO CÁC HỘ SỬ DỤNG ĐẤT GIAI ĐOẠN 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 18 /NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của HĐND huyện Mỹ Lộc)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Huyện, thành phố	Theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 19/7/2023 của HĐND huyện Mỹ Lộc	Đề nghị điều chỉnh		Số thu giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh						
			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:					
						Số thu giai đoạn 2016-2020 chuyển nguồn sang năm 2021	Đã thu năm 2021	Đã thu năm 2022	Ước thu năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Dự kiến thu năm 2025
1	2	3	4	5	6 = 3+4-5		7	8	9	10	11
II	Huyện Mỹ Lộc	569.730	64.067	0	633.797	199	218.465	87.986	157.147	120.000	50.000
	Phân cấp ngân sách tỉnh	241.072	32.034		273.106		65.540	43.993	78.574	60.000	25.000
	Phân cấp ngân sách huyện, thành phố, xã, thị trấn	328.658	32.033		360.691	199	152.926	43.993	78.574	60.000	25.000
	Ngân sách huyện	114.105	12.814		126.919	199	43.693	17.597	31.429	24.000	10.000
	Ngân sách xã	214.553	19.219		233.772		109.233	26.396	47.144	36.000	15.000



Biểu 01b-ĐTC TH
KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH NGUỒN THU GIAI ĐOẠN 2021-2025 TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT CÁC KHU ĐÔ THỊ, KHU (ĐIỂM) DÂN CƯ TẬP TRUNG,
KHU TÁI ĐỊNH CƯ, KHU ĐẤT GIAO CHO NHÀ ĐẦU TƯ THEO HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 18 /NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của HĐND huyện Mỹ Lộc)

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư				Đề nghị điều chỉnh		Nay đề nghị điều chỉnh tổng số thu												Ghi chú	Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền đầu tư các khu đô thị, khu (điểm) dân cư tập trung	Số thu đã được thông qua tại Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 19/10/2023 của HĐND huyện Mỹ Lộc	Tăng	Giảm	TỔNG SỐ	Số đã thu giai đoạn 2016-2020 (không bao gồm số chuyển nguồn)	TỔNG CỘNG	Số thu giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh								Dự kiến thu giai đoạn 2026-2030		
											Trong đó: Chuyển nguồn sang giai đoạn 2021-2025	Điều chỉnh Số thu giai đoạn 2021-2025					Dự kiến thu trong năm 2025				
												Tổng số	Đã thu trong năm 2021	Đã thu trong năm 2022	Ước thu năm 2023	Dự kiến thu trong năm 2024					
1	2	3	4	5	6	7	8	9=10+11+19	10	11=12+13	12	13=14+...+18	14	15	16	17	18	19	20	21	
	HUYỆN MỸ LỘC		972.809	971.197	984.867	65.792	340	1.894.630	300.152	1.050.319	23.654	1.026.665	119.119	90.186	102.853	80.000	634.507	1.087.039		17	
1	Các dự án đang thực hiện		370.309	369.397	984.867	65.792	340	1.464.471	300.152	1.050.319	23.654	1.026.665	119.119	90.186	102.853	80.000	634.507	114.000		7	
	- Xây dựng khu dân cư tập trung tại xã Mỹ Thành, huyện Mỹ Lộc	2230/QĐ-UBND (11/10/18)	14.583	14.583	23.654	-	-	100.149	76.495	23.654	23.654										1
	- Xây dựng khu đô thị thị trấn Mỹ Lộc, huyện Mỹ Lộc	316 (17/02/2016) 1677 (15/8/2016) 2002 (14/9/2018) 1280 (28/5/20) 67 (12/01/21) 2865 (27/12/21) 2430 (27/12/22) 1020/UBND-VP5 (03/10/23)	120.000	119.598	351.854	-	-	575.511	223.657	351.854		351.854	119.119	90.186	52.388	45.000	45.161				1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung tại xóm 5, xã Mỹ Hưng, huyện Mỹ Lộc	1908 (01/9/21) 1057 (30/5/23) 320/TT-SKH&ĐT (04/10/23)	32.826	32.716	68.659	65.341	-	134.000	-	134.000		134.000			50.014	35.000	48.986				1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Mỹ Hà, huyện Mỹ Lộc	2452 (11/11/21) 301/TT-SKH&ĐT (27/9/23)	22.000	21.900	39.900	-	-	39.900	-	39.900		39.900					39.900				1
	- Xây dựng Khu dân cư tập trung xóm 3, xã Mỹ Trung, huyện Mỹ Lộc	42/NQ-HĐND (26/4/22)	35.000	34.900	79.800	-	-	79.800	-	79.800		79.800					79.800				1

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư				Số thu đã được thông qua tại Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 19/10/2023 của HĐND huyện Mỹ Lộc	Đề nghị điều chỉnh		Nay đề nghị điều chỉnh tổng số thu											Ghi chú	Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiến độ giá đất các khu đô thị, khu (điểm) dân cư tập trung	Tăng		Giảm	TỔNG SỐ	Số đã thu giai đoạn 2016-2020 (không bao gồm số chuyển nguồn)	TỔNG CỘNG	Số thu giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Dự kiến thu giai đoạn 2026-2030					
											Điều chỉnh Số thu giai đoạn 2021-2025										
											Tổng số	Trong đó:									
Đã thu trong năm 2021	Đã thu trong năm 2022	Ước thu năm 2023	Dự kiến thu trong năm 2024	Dự kiến thu trong năm 2025																	
1	2	3	4	5	6	7	8	9=10+11+19	10	11=12+13	12	13=14+...+18	14	15	16	17	18	19	20	21	
	- Xây dựng khu dân cư tập trung Thôn An Cổ xã Mỹ Thành, huyện Mỹ Lộc	2368/QĐ-UBND (28/11/23)	94.900	94.800	286.000	-		400.000		286.000		286.000					286.000	114.000		1	
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Mỹ Hà, huyện Mỹ Lộc (giai đoạn 2)	83/NQ-HĐND (14/7/23)	51.000	50.900	135.000		340	134.660		134.660		134.660					134.660			1	
	Khu tái định cư xã Mỹ Thuận					451		451		451		451		451						1	
2	Các dự án chuẩn bị thủ tục đầu tư		602.500	601.800	-	-	-	430.159	-	-	-	-	-	-	-	-	-	973.039	-	10	
	Xây dựng hạ tầng Khu đô thị Đặng Xá, thị trấn Mỹ Lộc, huyện Mỹ Lộc		168.300	168.200	-			248.600		-		-						248.600	10,55 ha (trong đó 9,29 ha đất lúa)	1	
	Xây dựng hạ tầng Khu dân cư tập trung thôn La Chơ xã Mỹ Tiến, huyện Mỹ Lộc		98.700	98.600	-			181.559		-		-						181.559	5,5ha	1	
	Xây dựng hạ tầng Khu dân cư tập trung xã Mỹ Hưng, huyện Mỹ Lộc		160.000	159.900	-			-		-		-						360.000	9,9ha	1	
	Xây dựng hạ tầng Khu dân cư tập trung Đông Trung Quán, Tây Hào Quang thị trấn Mỹ Lộc, huyện Mỹ Lộc		63.000	62.900	-			-		-		-						136.800	3,8 ha	1	
	Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung xóm Đình xã Mỹ Thịnh, huyện Mỹ Lộc		21.000	20.900	-			-		-		-						46.080	1,28ha	1	
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xóm Đoài xã Mỹ Thắng		53.850	53.750	-			-		-		-							3,59ha	1	
	- Xây dựng khu dân cư tập trung Quang trung xã Mỹ Thuận		37.650	37.550	-			-		-		-							2,51ha	1	
	- Xây dựng khu đô thị Thịnh- Thuận huyện Mỹ Lộc (Lựa chọn NĐT theo hình thức đấu thầu)				-			-		-		-							55ha	1	
	- Khu dân cư tập trung Hưng Lộc huyện Mỹ Lộc (Lựa chọn NĐT theo hình thức đấu thầu)				-			-		-		-							32,4 ha	1	
	- Khu dân cư tập trung thôn 3 xã Mỹ Hưng huyện Mỹ Lộc (Lựa chọn NĐT theo hình thức đấu thầu)				-			-		-		-							5ha	1	



Biểu 01c -ĐTCTH

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH CÂN ĐỐI SỐ THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT CÁC KHU ĐÔ THỊ, KHU (ĐIỂM) DÂN CƯ TẬP TRUNG, KHU TÁI ĐỊNH CƯ, KHU ĐẤT GIAO CHO NHÀ ĐẦU TƯ THEO HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 18 /NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của HĐND huyện Mỹ Lộc)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Huyện, Thành phố	Đã thông qua Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 19/10/2023 của HĐND huyện	Đề nghị điều chỉnh		Dự kiến số thu giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh								
			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:							
						Chi đầu tư xây dựng hạ tầng và GPMB	Bổ trí cho các công trình tính trực tiếp quản lý điều hành	Đầu tư trở lại cho các công trình					
								Tổng số	Bổ trí cho các công trình tính QĐ đầu tư	Bổ sung có mục tiêu cho NS huyện, xã	Các công trình huyện QĐ đầu tư	Các công trình xã QĐ đầu tư	
1	2	3	4	5	6 = 3+4-5	7	8=(6-7)*50%	9=6-7-8	10=9*60%	11=9*40%	12=9*20%	13=9*20%	
	Huyện Mỹ Lộc	984.527	65.792	-	1.050.319	268.452	219.798	562.069	419.746	142.323	63.061	79.262	
1	Xây dựng khu dân cư tập trung tại xã Mỹ Thành, huyện Mỹ Lộc	23.654	-	-	23.654			23.654	91	23.563	8.226	15.337	
2	Xây dựng khu đô thị thị trấn Mỹ Lộc	351.854	-		351.854	33.236	-	318.618	287.777	30.841	4.600	26.241	
3	Xây dựng khu dân cư tập trung xóm 5 xã Mỹ Hưng	68.659	65.341		134.000	32.716	50.642	50.642	30.385	20.257	10.128	10.129	
4	Khu dân cư tập trung xã Mỹ Hà	39.900	-		39.900	21.900	9.000	9.000	5.400	3.600	1.800	1.800	
5	Khu dân cư tập trung xã Mỹ Hà (giai đoạn 2)	134.660	-	-	134.660	50.900	41.880	41.880	25.128	16.752	8.352	8.400	
6	Khu dân cư tập trung thôn An Cổ xã Mỹ Thành	286.000	-		286.000	94.800	95.600	95.600	57.360	38.240	25.430	12.810	
7	Khu dân cư tập trung xóm 3 xã Mỹ Trung	79.800	-		79.800	34.900	22.450	22.450	13.470	8.980	4.480	4.500	
8	Khu tái định cư xã Mỹ Thuận		451		451	-	226	225	135	90	45	45	

Ghi chú: Đối với Khu đô thị thị trấn Mỹ Lộc có quyết định đầu tư trước ngày 01/01/2021

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Quyết định quyết toán		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết 31/12/2020		Số vốn còn thiếu tính đến hết 31/12/2020		Kế hoạch bố trí vốn giai đoạn 2021-2025					Số vốn còn thiếu so với TMBT	Ghi chú				
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số	Huyện PB	Tổng số	Huyện PB	Tổng số	Huyện PB	Tổng số			Trong đó			
					Tổng số	Huyện PB		Tổng số	Huyện PB										Năm 2021 đã giao	Năm 2022 đã giao	KH năm 2023	KH năm 2024
1	2	3	4	5	5a	5b	6	6a	6b	7	7b	8	8a	9=10+11+14	10	11	12	13	14	15=8a-9	16	
4	Cải tạo, nâng cấp nhà hướng Đông và một số hạng mục phụ trợ Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện (thuộc Ban Tuyên giáo Huyện ủy)	Thị trấn Mỹ Lộc	2019-2021	2680/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	4.094	4.094	1332/QĐ-UBND ngày 29/4/2020	4.075	4.075	2.900	2.900	1.175	1.175	1.175	1.175	0		0	0	0		
5	Xây dựng, lắp đặt cột phát sóng và hệ thống anten trung tâm văn hóa - thông tin - thể thao huyện Mỹ Lộc	Thị trấn Mỹ Lộc	2019-2021	2682/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	861	861	Số 164 ngày 25/01/2021	850	850	750	750	100	100	100	100	0		0	0	0		
6	Cải tạo, nâng cấp trụ sở Trung tâm dân số cũ và các hạng mục phụ trợ	Thị trấn Mỹ Lộc	2019-2021	Số 2683 ngày 31/10/2019	2.977	2.977	Số 1333 ngày 29/4/2021	1.980	1.980	1.600	1.600	380	380	380	380	0		0	0	0		
7	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh KN4 đoạn từ Cầu Thịnh đến cầu Nội xã Mỹ Thắng, huyện Mỹ Lộc	Xã Mỹ Thắng	2021-2022	262 ngày 30/1/2021	1.700	1.700	3695 ngày 31/8/2021	1.646	1.646	0	0	1.646	1.646	1.646	1.646	0		0	0	0		
8	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc và một số hạng mục phụ trợ Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Mỹ Lộc	Thị trấn Mỹ Lộc	2019-2021	2684 ngày 31/10/2019	3.500	3.500	3619 ngày 24/8/2021	3.483	3.483	1.400	1.400	2.083	2.083	2.083	2.083	0		0	0	0		
9	Lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030	huyện Mỹ Lộc	2021-2021		1.770	1.770	3428 ngày 11/8/2021	1.770	1.770	0	10	1.770	1.760	1.760	1.760	0		0	0	0		
b	Công trình đã hoàn thành phê duyệt QT, bố trí hết vốn năm 2022				7.640	7.640				3.067	3.067	4.475	4.475	4.475	4.200	275	0	0	0	0		
1	Xây dựng lắp đặt Đài phun nước tại 02 hồ nước trước cửa trụ sở huyện và trụ sở HĐND-UBND huyện; Cải tạo nhà giao dịch hành chính một cửa	Thị trấn Mỹ Lộc	2020-2021	Số 1766 ngày 17/5/2021	5.940	5.940	194 ngày 21/01/2022	5.877	5.877	1.667	1.667	4.210	4.210	4.210	4.200	10		0	0	0		
2	Nâng cấp, cải tạo nhà làm việc và các hạng mục phụ trợ thanh tra huyện Mỹ Lộc	Thị trấn Mỹ Lộc	2018-2019	Số 2117 ngày 23/10/2018	1.700	1.700	5061 ngày 18/11/2022	1.665	1.665	1.400	1.400	265	265	265	0	265		0	0	0		
c	Các công trình đang thực hiện				5.601	5.601	0	0	0	0	0	5.601	5.601	4.573	200	4.023	100	250	0	1.028		
1	Lập quy hoạch phân khu VI trên địa bàn huyện Mỹ Lộc	huyện Mỹ Lộc	2022-2025	1946 ngày 09/9/2021	5.601	5.601						5.601	5.601	4.573	200	4.023	100	250		1.028	Thời gian thực hiện đến hết 2023	
d	Các công trình khởi công mới				141.364	133.864	0	0	0	0	0	62.164	62.164	124.284	0	9.000	34.745	33.529	47.010	11.960		
1	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Ban CHQS huyện Mỹ Lộc	huyện Mỹ Lộc	2022-2023	5276 ngày 01/12/2022	4.418	4.418						4.418	4.418	4.418		3.000	1.418	0		0		
2	Xây dựng mới nhà ăn, kho vật chứng 2 tầng và các hạng mục phụ trợ Trụ sở công an huyện Mỹ Lộc	huyện Mỹ Lộc	2022-2023	3271 ngày 09/8/2022	4.228	4.228						4.228	4.228	4.228		3.000	900	328		0		
3	Nâng cấp cải tạo nhà làm việc 2 tầng hướng Tây trụ sở HĐND - UBND huyện Mỹ Lộc	huyện Mỹ Lộc	2022-2023	5204 ngày 28/11/2022	4.318	4.318						4.318	4.318	4.318		3.000	950	368		0		
4	Đo đạc bản đồ, lập hồ sơ địa chính cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn xã Mỹ Thuận và xã Mỹ Tiên huyện Mỹ Lộc	huyện Mỹ Lộc	2022-2023		6.600	6.600						6.600	6.600	6.600		0	0	2.000	4.600		0	
5	Xây dựng mới nhà 2 tầng 4 phòng và cải tạo, nâng cấp nhà học 1 tầng 2 phòng, nhà học 2 tầng 12 phòng và các công trình phụ trợ trường THCS Mỹ Hà	huyện Mỹ Lộc	2022-2023	3520/QĐ-UBND ngày 17/8/2023	9.900	9.900						9.900	9.900	9.900			6.000	2.900	1.000		0	
6	Xây dựng nhà 3 tầng 12 phòng học kết hợp phòng chức năng và các công trình phụ trợ trường tiểu học xã Mỹ Tiên, huyện Mỹ Lộc	huyện Mỹ Lộc	2022-2023	3222/QĐ-UBND ngày 24/7/2023	9.900	9.900						9.900	9.900	9.900			6.000	2.900	1.000		0	



ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 HUYỆN MỸ LỘC
NGUỒN VỐN PHÂN CẤP NGÂN SÁCH HUYỆN QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 18 /NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của HĐND huyện Mỹ Lộc)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	* HN	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết 31/12/2020		Số vốn còn thiếu tính đến hết 31/12/2020		Kế hoạch bố trí vốn giai đoạn 2021-2025					Số vốn còn thiếu so với TMDT	Ghi chú		
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số	Huyện PB	Tổng số	Huyện PB	Tổng số	Huyện PB	Tổng số	Trong đó				
						Tổng số	Huyện PB		Tổng số	Huyện PB								Tổng số			Năm 2021 đã giao	Năm 2022 đã giao
1	2	3	4	5	5a	5b	6	6a	6b	7	7b	8	8a	9=10+11+14	10	11	12	13	14	15=8a-9	16	
	TỔNG CỘNG				425.690	175.484	0	34.036	26.612	21.504	21.514	89.048	81.614	189.980	21.804	20.162	46.336	46.981	54.697	361.902		
I	VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ, GPMB, CÔNG TÁC QUY HOẠCH VÀ XDCB KHÁC...				235.726	510	0	0	0	0	0	1.210	1.210	3.962	10	300	700	2.952	0	0		
1	Xây dựng khu dân cư tập trung xóm 5 xã Mỹ Hưng, huyện Mỹ Lộc	Mỹ Hưng	2020-2024	QĐ1908 (01/9/21)	32.826	110	-	-	-	-	-	110	110	110	10	100		0	0	0	Bố trí vốn công tác chuẩn bị đầu tư cho các công trình tính Quyết định đầu tư	
2	Xây dựng khu dân cư thôn An Cỏ xã Mỹ Thành	Mỹ Thành	2022-2025	NQ86 (02/12/21)	94.900	100	-	-	-	-	-	100	100	100		100				0		
3	Xây dựng KDC tập trung xóm 3 xã Mỹ Trung, huyện Mỹ Lộc	Mỹ Trung	2022-2024	NQ42 (26/4/22)	35.000	100	-	-	-	-	-	100	100	100		100				0		
4	Xây dựng khu dân cư tập trung xã Mỹ Hà (giai đoạn 2)	Mỹ Hà	2023-2025	NQ83 (14/7/23)	51.000	100	-	-	-	-	-	100	100	100			100			0		
5	Nâng cấp hệ thống trạm bơm Tân Đệ và các công trình phụ trợ	xã Mỹ Tân	2022-2024	QĐ1061 (30/5/23)	29.990	100	-	-	-	-	-	100	100	100			100			0		
6	Cải tạo nâng cấp đường Hồng Long xã Mỹ Tân huyện Mỹ Lộc	xã Mỹ Tân	2023-2025		15.000	100	-	-	-	-	-	100	100	100			100			0		
7	Cải tạo, nâng cấp đường Nam đường sắt (Đoạn từ cầu Lê đến Cầu Giáng)	thị trấn ML	2023-2025	QĐ 1939 (04/10/23)	14.990	100	-	-	-	-	-	100	100	100			100			0		
8	Nâng cấp sửa chữa đường 63B từ cây xăng xã Mỹ Hà huyện Mỹ Lộc đến cổng Đả, xã An Ninh, huyện Bình Lục	xã Mỹ Hà	2023-2025	QĐ 1992 (29/9/23)	20.000	100	-	-	-	-	-	100	100	100			100			0		
9	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Cầu Đặng xã Mỹ Hưng đến đường Thịnh Thắng huyện Mỹ Lộc	xã Mỹ Hưng	2023-2026	NQ90 (14/7/23)	35.000	100	-	-	-	-	-	100	100	100			100			0		
10	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ khu di tích đền Trần Quang Khải đến đường 485B huyện Mỹ Lộc	xã Mỹ Thành	2023-2025	QĐ 1132 (08/6/23)	15.000	100	-	-	-	-	-	100	100	100			100			0		
II	ĐẦU TƯ CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG				189.964	174.974	0	34.036	26.612	21.504	21.514	87.838	80.404	141.496	12.565	13.298	34.845	33.779	47.010	12.988	0	
a	Đã phê duyệt QT và bố trí hết vốn năm 2021				35.359	27.869	0	34.036	26.612	18.437	18.447	15.599	8.165	8.165	8.165	8.165	0	0	0	0	0	
1	Cải tạo nâng cấp nhà văn hoá trung tâm huyện, hệ thống hạ tầng kỹ thuật trụ sở Huyện uỷ và các hạng mục phụ trợ	Thị trấn Mỹ Lộc	2019-2021	Số 351 ngày 21/02/2020	14.980	7.490	Số 3162 ngày 31/12/2020	14.847	7.424	7.000	7.000	7.847	423	423	423	0		0	0	0	Cơ cấu NV NST: 7423 NSH: 7424	
2	Cải tạo, nâng cấp nhà ăn HĐND-UBND huyện Mỹ Lộc	Thị trấn Mỹ Lộc	2019-2020	Số 1163 ngày 24/6/2019	1.647	1.647	Số 165 ngày 25/01/2021	1.593	1.593	1.437	1.437	156	156	156	156	0		0	0	0	0	
3	Cải tạo, nâng cấp nhà làm việc 3 tầng, nhà ăn Huyện uỷ, Hội trường A0, hội trường nhà đoàn thể huyện Mỹ Lộc	Thị trấn Mỹ Lộc	2019-2021	2679/QĐ-UBND ngày 15/7/2020	3.830	3.830	Số 4500 ngày 16/12/2020	3.791	3.791	3.350	3.350	441	441	441	441	0		0	0	0	0	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Quyết định quyết toán		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết 31/12/2020		Số vốn còn thiếu tính đến hết 31/12/2020		Kế hoạch bố trí vốn giai đoạn 2021-2025					Số vốn còn thiếu so với TMBT	Ghi chú		
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số	Huyện PB	Tổng số	Huyện PB	Tổng số	Huyện PB	Trong đó				
					Tổng số	Huyện PB		Tổng số	Huyện PB							Tổng số			Năm 2021 đã giao	Năm 2022 đã giao
1	2	3	4	5a	5b	6	6a	6b	7	7b	8	8a	9=10+11+14	10	11	12	13	14	15=8a-9	16
7	Xây dựng nhà 2 tầng 12 phòng học và các công trình phụ trợ trường THCS Mỹ Phúc	huyện Mỹ Lộc	2022-2023	3919/QĐ-UBND ngày 25/9/2023	9.900	9.900					9.900	9.900	9.900			5.000	3.900	1.000	0	
8	Xây dựng nhà học chức năng 2 tầng, nhà bếp 1 tầng và các công trình phụ trợ trường mầm non Mỹ Tân	X M Tân	2022-2025	2141 ngày 12/6/23	9.900	8.150							8.150			3.048	2.500	2.602		Đã cấp NSTW 2023: 1.750tr
9	Xây dựng nhà văn hóa trung tâm xã Mỹ Trung	Mỹ Trung	2022-2025	2142 ngày 12/6/23	9.900	8.150							8.150			3.092	2.500	2.558		Đã cấp NSTW 2023: 1.750tr
10	Cải tạo nâng cấp các đường trục xã (Rải bê tông nhựa đường trục xã) xã Mỹ Thành	Mỹ Thành	2022-2025	số 3996/QĐ-UBND ngày 29/9/2023	9.900	9.900							9.900			7.916	950	1.034		
11	Xây dựng mới nhà học 2 tầng 6 phòng trường THCS xã Mỹ Thịnh huyện Mỹ Lộc	Mỹ Thịnh	2022-2025		9.900	9.900							9.900				4.000	5.900		
12	Mở rộng khuôn viên, xây dựng nhà đa năng trường THCS xã Mỹ Hưng	Mỹ Hưng	2024-2026		9.900	9.900							9.010				3.400	5.610	890	
13	Xây dựng, mở rộng cải tạo nâng cấp đường giao thông trục xã đoạn từ Chùa Nhuế đến trụ sở UBND xã Mỹ Thuận	Mỹ Thuận	2024-2026		9.900	7.900							7.010				1.400	5.610	890	DK bố trí từ NSTW 2024: 2.000tr
14	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông đoạn từ Bưu điện huyện Mỹ Lộc đến hết khu dân cư Mỹ Tục thuộc tổ dân phố Thịnh Mỹ và tuyến nhánh	Thị trấn Mỹ Lộc	2024-2026		9.900	7.900							7.010				1.400	5.610	890	DK bố trí từ NSTW 2024: 2.000tr
15	Mở rộng khuôn viên, xây dựng nhà đa năng trường THCS xã Mỹ Thắng	Mỹ Thắng	2024-2026		9.900	9.900							9.010				3.400	5.610	890	
16	Chi hỗ trợ GPMB một số DA đầu tư công trên địa bàn:												1.004	0	0	421	83	500	0	
	Công trình an ninh (mặt - 12CAX)	Mỹ Hà	2024-2026										83				83			
	- Công trình Xây dựng nhà tập đa năng, nhà công vụ giáo viên và các hạng mục phụ trợ trường THPT Trần Văn Lan, huyện Mỹ Lộc (Phân phát sinh tăng của hạng mục GPMB)	Mỹ Trung	2015-2023										421			421				
	- Khác..												500					500		
17	Đầu tư một số công trình khác	Mỹ Lộc											5.876				1.500	4.376	8.400	
	Trong đó:																			
	Cải tạo nâng cấp Trung tâm GDNN-GDTX huyện Mỹ Lộc	huyện Mỹ Lộc	2024-2026		3.500	3.500		0	0				3.500	3.500	1.500		500	1.000	2.000	
	Dự án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất năm 2021-2030	huyện Mỹ Lộc	2024-2026		2.500	2.500		0	0				2.500	2.500	1.500		500	1.000	1.000	
	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường đoạn từ đường du lịch đến cầu phao xã Mỹ Phúc và cải tạo tường kê chống sạt lở đường du lịch	Xã Mỹ Phúc	2024-2026		6.900	6.900							6.900	6.900	1.500		500	1.000	5.400	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết 31/12/2020		Số vốn còn thiếu tính đến hết 31/12/2020		Kế hoạch bố trí vốn giai đoạn 2021-2025					Số vốn còn thiếu so với TMBT	Ghi chú		
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số	Huyện PB	Tổng số	Huyện PB	Tổng số	Huyện PB	Tổng số	Trong đó					
					Tổng số	Huyện PB		Tổng số	Huyện PB								Tổng số	Năm 2021 đã giao			Năm 2022 đã giao	KH năm 2023
1	2	3	4	5	5a	5b	6	6a	6b	7	7b	8	8a	9=10+11+14	10	11	12	13	14	15=8a-9	16	
	Đo đạc bản đồ, lập hồ sơ địa chính cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn xã Mỹ Tân, Mỹ Trung, Mỹ Phúc, Mỹ Hà, Mỹ Thăng, Mỹ Thành, Mỹ Hưng và thị trấn Mỹ Lộc.	huyện Mỹ Lộc																				
	Công trình quốc phòng (mặt)	xã Mỹ Thăng	2024-2026		0			0	0			0	0	0								
	Kê công trình thủy lợi xóm 2 xã Mỹ Thành	XM Thành	2024-2026		0			0	0			0	0	0								
	Cải tạo nâng cấp Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp huyện	huyện Mỹ Lộc	2024-2026		-			-	-			-	-	0								
	Một số công trình để từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng của huyện phục vụ mục tiêu phát triển KTXH, chi hỗ trợ đầu tư và hỗ trợ GPMB khác	huyện Mỹ Lộc	2024-2026		-			-	-			-	-	0								
III	CHI SỰ NGHIỆP CÓ TÍNH CHẤT ĐẦU TƯ													8.134	1.130	774	1.543	2.750	1.937	0		
1	Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp 2021-2025													600	0	0	0	0	600			
2	Duy tu bảo dưỡng đường trục huyện													1.441	378		376	350	337		Trung bình 350 tr/năm	
3	Chi công tác quy hoạch xây dựng và các quy hoạch liên quan.....													1.000	0	0		0	1.000		0,0	
4	Chi công tác quản lý đất đai, đầu tư đất ở													5.093	752	774	1.167	2.400			Trung bình 1.500 tr/năm	
	Trong đó:													0								
	+ Chi công tác ĐGD KDT, KDC													1.138	373	85	280	400				
	+ Công tác QLDD: Cấp GCN quyền sử dụng đất, thống kê, kiểm kê đất đai...													366	83	83	100	100				
	+ Chi công tác lập KH SDD hàng năm													1.689	296	606	787	800				
	+ Chi khác													0								
IV	CHI HỖ TRỢ													36.388	8.100	5.790	9.248	7.500	5.750	0		
1	Hỗ trợ cho các xã, thị trấn đăng ký XD NTM nâng cao, được công nhận thôn NTM kiểu mẫu (Định mức 01 tỷ /xã được công nhận NTM nâng cao; 250 tr/ thôn được công nhận NTM kiểu mẫu)													25.000	4.000	3.500	6.250	5.500	5.750	0		
	Hỗ trợ xã về dịch NTM nâng cao													9.000	4.000	3.000	2.000					
	Hỗ trợ 02 thôn được công nhận NTM kiểu mẫu													500		500						
	Hỗ trợ 17 thôn được công nhận NTM kiểu mẫu													4.250		4.250						
	Dự kiến Hỗ trợ 22 thôn được công nhận NTM kiểu mẫu													5.500			5.500					
	Dự kiến HT một số thôn còn lại													5.750					5.750			
2	Thực hiện chương trình hỗ trợ mỗi xã 1 sản phẩm OCCOP													0	0	0	0				0	
3	Hỗ trợ khác													9.388	4.100	2.290	2.998	2.000	0	0		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết 31/12/2020		Số vốn còn thiếu tính đến hết 31/12/2020		Kế hoạch bố trí vốn giai đoạn 2021-2025					Số vốn còn thiếu so với TMĐT	Ghi chú		
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số	Huyện PB	Tổng số	Huyện PB	Tổng số	Huyện PB	Trong đó						
					Tổng số	Huyện PB		Tổng số	Huyện PB							Tổng số	Năm 2021 đã giao	Năm 2022 đã giao			KH năm 2023	KH năm 2024
1	2	3	4	5	5a	5b	6	6a	6b	7	7b	8	8a	9=10+11+14	10	11	12	13	14	15=8a-9	16	
1	Hỗ trợ các xã, thị trấn xây dựng rãnh dọc thoát nước hai bên các tuyến đường để đầu tư xây dựng mới, (hỗ trợ tối đa không quá 50%)													3.250	2.500	750	0	2.000			-	50% TMĐT
2	Hỗ trợ 10 xã xây dựng quy hoạch chung (50% dự toán được duyệt)													1.540		1.540						50% TMĐT
3	Bổ sung mục tiêu cho xã Mỹ Trung để đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng nhà lưu niệm Trần Văn Lan													2.998			2.998				-	50% TMĐT
4	Hỗ trợ khác													1.600	1.600	-		-			-	
V	DỰ PHÒNG													0	-	-					-	
	- Chi đầu tư xây dựng một số công trình XDCH để từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng của huyện phục vụ mục tiêu phát triển KTXH,													0								
	- Chi hỗ trợ GPMB một số DA đầu tư công trên địa bàn													0								
	- Chi hỗ trợ thôn, xóm được công nhận NTM kiểu mẫu													0								
	- Hỗ trợ các xã, thị trấn xây dựng rãnh dọc thoát nước hai bên các tuyến đường để đầu tư xây dựng mới, (hỗ trợ tối đa không quá 50%)													0								
	- Chi khác....													0								

**KẾ HOẠCH VỐN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÁC XÃ ĐƯỢC BỔ SUNG MỤC TIÊU TỪ NGUỒN ĐẦU GIÁ ĐẤT CÁC KHU ĐÔ THỊ,
KHU (ĐIỂM) DÂN CƯ TẬP TRUNG, KHU TÁI ĐỊNH CƯ... GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HND ngày 14/12/2023 của HĐND huyện Mỹ Lộc)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư, hoặc QĐ quyết toán			Số vốn còn thiếu tính đến hết 31/12/2020		Kế hoạch bố trí vốn giai đoạn 2021-2025					Số vốn còn thiếu chuyển giai đoạn 26-30	Ghi chú			
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số		Tổng số	Vốn BSMT từ KĐT, KDC tập trung	Tổng số	Vốn BSMT từ KĐT, KDC tập trung	Tổng số	Trong đó						
					Tổng số	Vốn BSMT từ KĐT, KDC tập trung						Năm 2021 đã giao	Năm 2022 đã giao			KH năm 2023	KH năm 2024	KH năm 2025
5	5a	5b	6	6a	7	8	9	10	11	12	13=6a-7	14						
1	HỖ TRỢ CÁC CÔNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG CÓ ĐẤT BỊ THU HỒI LÀM CÁC KĐT, KDC TẬP TRUNG (Tối đa không quá 20% của 50% còn lại sau khi đã trừ hạ tầng và GPMB)									79.262	22.337	3.250	12.722	6.100	34.854	0	0	
I	Thị trấn Mỹ Lộc				14.971	0	0	0	0	23.302	7.000	3.250	8.995	2.025	2.032	0		
1	Trường MN bán công thị trấn Mỹ Lộc, huyện Mỹ Lộc HM: Xây dựng bổ sung các hạng mục phụ trợ san lấp, sân bê tông, rãnh thoát nước, công và tường bao, nhà trường trực, nhà xe, nhà bếp ăn, mái tôn nhà hiệu bộ và nhà học 2 tầng	Thị trấn Mỹ Lộc	2022-2025				0	0	0	1.597	1.597							
2	Trường MN bán công thị trấn Mỹ Lộc (Nhà học 2 tầng 8 phòng hiệu bộ, chức năng)	Thị trấn Mỹ Lộc	2022-2025				0	0	0	648	648							
3	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Trung Quyền, thị trấn Mỹ Lộc huyện Mỹ Lộc	Thị trấn Mỹ Lộc	2022-2025				0	0	0	500	500							
4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông Lê Xá, thị trấn Mỹ Lộc (đoạn từ đường Nam đường sắt đến giáp địa giới xã Mỹ Thịnh)	Thị trấn Mỹ Lộc	2022-2025				0	0	0	1.500	1.500							
5	Cải tạo, nâng cấp Đàng úy - HĐND - UBND Thị trấn Mỹ Lộc	Thị trấn Mỹ Lộc	2022-2025				0	0	0	2.755	2.755							
6	Nhà đa năng trường tiểu học Trần Quang Khải huyện Mỹ Lộc tỉnh Nam Định									3.250		3.250						
7	Cải tạo nâng cấp sân bồn cây, rãnh thoát nước và nhà trường trực bảo vệ trụ sở Đàng úy, HĐND- UBND thị trấn Mỹ Lộc	Thị trấn Mỹ Lộc	2022-2023							190			190					
8	Cải tạo nâng cấp trụ sở Đàng úy, HĐND- UBND thị trấn Mỹ Lộc	Thị trấn Mỹ Lộc	2021-2022							2.200			2.200					
9	XD nhà đa năng trường tiểu học Trần Quang Khải thị trấn Mỹ Lộc, huyện Mỹ lộc	Thị trấn Mỹ Lộc	2021-2022							2.000			2.000					
10	Cải tạo nâng cấp đường giao thông tổ dân phố Vạn Đồn (đoạn từ Cửa Đình đến trường mầm non cũ)TDP Hào Thôn(đoạn 1 từ đường Thịnh Thắng đến gốc đa, đoạn 2 đến nhà văn hóa)	Thị trấn Mỹ Lộc	2022-2023							830			830					
11	Cải tạo nâng cấp sân, công, sơn mặt tiền nhà hiệu bộ 2 tầng, nhà học ba tầng trường tiểu học Trần Quang Khải thị trấn Mỹ lộc	Thị trấn Mỹ Lộc	2022-2023							930			930					

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư, hoặc QĐ quyết toán		Số vốn còn thiếu tính đến hết 31/12/2020		Kế hoạch bố trí vốn giai đoạn 2021-2025					Số vốn còn thiếu chuyển giai đoạn 26-30	Ghi chú		
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số		Tổng số	Vốn BSMT từ KĐT, KDC tập trung	Tổng số	Trong đó					KH năm 2025	
					Tổng số	Vốn BSMT từ KĐT, KDC tập trung				Năm 2021 đã giao	Năm 2022 đã giao	KH năm 2023				KH năm 2024
1	2	3	4	5	5a	5b	6	6a	7	8	9	10	11	12	13=6a-7	14
12	XD các công trình phụ trợ trường tiểu học Trần Quang Khải	Thị trấn Mỹ Lộc	2022-2023						650			650				
13	Hỗ trợ các công trình khác (dự kiến)	Thị trấn Mỹ Lộc							4.057				2.025	2.032		
	Cải tạo nâng cấp trường mầm non Hòa Mi thị trấn Mỹ Lộc								5.252			2.195	2.025	1.032		
	Hỗ trợ cải tạo, nâng cấp các nhà văn hoá TDP (sau khi sát nhập)								1.000					1.000		
	Trường mầm non bán công thị trấn Mỹ Lộc								0							
	Xây dựng mới Nhà văn hoá trung tâm thị trấn Mỹ Lộc huyện Mỹ Lộc tỉnh Nam Định								0							
	Đường giao thông từ đường 485B đến TDP Hòa Hưng thị trấn Mỹ Lộc huyện Mỹ Lộc								0							
	Đường giao thông từ đường 485B đến TDP Mỹ Tục thị trấn Mỹ Lộc huyện Mỹ Lộc								0							
	Đường giao thông từ đường 485B đến đường Trần Quang Khải đoạn qua thị trấn Mỹ Lộc huyện Mỹ Lộc								0							
	Hỗ trợ cải tạo, nâng cấp các nhà văn hoá TDP (sau khi sát nhập)								0							
II	Xã Mỹ Thành (dự kiến)				0	0	0	0	28.147	15.337	0			12.810		
	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông trục xã Mỹ Thành (Đoạn từ thôn Cư Nhân đến An Cồ)	Xã Mỹ Thành							3.050	3.050						
	Xây dựng nhà văn hoá trung tâm xã Mỹ Thành huyện Mỹ Lộc	Xã Mỹ Thành							9.100	9.100						
	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc Đảng uỷ - HĐND - UBND xã Mỹ Thành huyện Mỹ Lộc	Xã Mỹ Thành							3.187	3.187						
	Hỗ trợ các công trình khác (dự kiến)	Xã Mỹ Thành							0	0	0					
	Xây dựng nhà đa năng và các công trình phụ trợ trường MN								3.500					3.500		
	Xây dựng nhà đa năng và các công trình phụ trợ trường tiểu học								3.500					3.500		
	Xây dựng nhà đa năng và các công trình phụ trợ trường THCS								3.500					3.500		
	Cải tạo nâng cấp đường trục xã								2.310					2.310		
	Cải tạo khuôn viên UBND xã Mỹ Thành								0							
	Xây dựng chợ xã Mỹ Thành								0							
	Cải tạo nâng cấp trạm y tế xã								0							
III	Xã Mỹ Hưng (dự kiến)						0	0	0	13.070		3.682	4.075	5.312		
1	Xây dựng nhà học 3T12P (giai đoạn 2: 2T4P và các hạng mục phụ trợ) trường tiểu học xã Mỹ Hưng	Xã Mỹ Hưng		150 ngày 02/11/2021	5.300				5.290			2.896	1.832	562		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư, hoặc QĐ quyết toán		Số vốn còn thiếu tính đến hết 31/12/2020		Kế hoạch bố trí vốn giai đoạn 2021-2025					Số vốn còn thiếu chuyển giai đoạn 26-30	Ghi chú		
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số		Tổng số	Vốn BSMT từ KĐT, KDC tập trung	Tổng số	Trong đó					KH năm 2024	KH năm 2025
					Tổng số	Vốn BSMT từ KĐT, KDC tập trung				Năm 2021 đã giao	Năm 2022 đã giao	KH năm 2023				
1	2	3	4	5	5a	5b	6	6a	7	8	9	10	11	12	13=6a-7	14
2	Xây dựng nhà 2 tầng 4 phòng và phòng chức năng giáp nhà học thực hành trường THCS	Xã Mỹ Hưng		159 ngày 09/11/2021	2.400				1.300			786	514			
	<i>Hỗ trợ các công trình khác (dự kiến)</i>	<i>Xã Mỹ Thành</i>							0							
3	Xây dựng nhà văn hoá trung tâm xã và một số phòng làm việc UBND xã	Xã Mỹ Hưng		1328 ngày 28/4/2021	6.889				825				825			
4	Cải tạo, nâng cấp sân bê tông, rãnh thoát nước, tường bao và xây mới công trình trường THCS xã Mỹ Hưng, huyện Mỹ Lộc	Xã Mỹ Hưng		32 ngày 27/4/2023	792				288				0	288		
5	Xây dựng nhà học 3 phòng và nâng cấp cải tạo các hạng mục phụ trợ trường mầm non (khu Nam Hưng)	Xã Mỹ Hưng		48 ngày 21/6/2022	2.061				904				904			
6	XD nhà học 3 tầng 12 phòng (Giai đoạn 2: 2 tầng 4 phòng) và các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học xã Mỹ Hưng, huyện Mỹ Lộc)	Xã Mỹ Hưng			3.000									2.462		
7	XD hệ thống thoát nước mặt đường các tuyến nhánh đường Hưng Lộc, huyện Mỹ Lộc	Xã Mỹ Hưng			2.595									2.000		
IV	<i>xã Mỹ Hà (dự kiến)</i>				0	0	0	0	10.200	0	0	0	0	10.200	0	0
	Dự án: Trường Mầm non khu 1/6 xã Mỹ Hà: HM: Nhà 2 tầng 3 phòng học và các phòng khối hành chính quản trị và các hạng mục phụ trợ.	Xã Mỹ Hà							0							
	Dự án: XD 8 phòng học chức năng trường THCS	Xã Mỹ Hà							0							
	Sửa chữa trụ sở Đảng uỷ -HĐND - UBND xã, nhà văn hoá trung tâm tâm xã	Xã Mỹ Hà							0							
	Xây dựng nhà hiệu bộ trường THCS	Xã Mỹ Hà							0							
V	<i>Xã Mỹ Trung (dự kiến)</i>								4.500	0	0	0	0	4.500	0	0
	Xây dựng phòng đa năng và các phòng chức năng trường MN xã Mỹ Trung	Xã Mỹ Trung							4.500					4.500		
VI	<i>Xã Mỹ Thuận (dự kiến)</i>								45	0	0	45		0	0	0
	Lập quy hoạch chung xã Mỹ Thuận, huyện Mỹ Lộc giai đoạn 2021-2030	Xã Mỹ Thuận							45			45				



Biểu 03-NSTW

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
BỔ SUNG CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 18 /NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của HĐND huyện Mỹ Lộc)

Đơn vị: Tr.đồng

STT	Đơn vị	Tổng vốn giai đoạn 2021-2025 (Theo Nghị quyết số 70/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022	Đã giao năm 2022, 2023	Kế hoạch năm 2024	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2025	Ghi chú
A	B	1	2	3	4=1-2-3	5
	TỔNG	34.000	17.500	13.000	3.500	
I	Hỗ trợ các xã, thị trấn xây dựng nông thôn mới theo bộ tiêu chí quốc gia giai đoạn 2021-2025, phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu	11.000	8.000	1.000	2.000	
	Xã Mỹ Hưng	1.000	1.000		-	
	Xã Mỹ Thịnh	1.000	1.000		-	
	Xã Mỹ Thuận	1.000	1.000		-	
	Xã Mỹ Trung	1.000	1.000		-	
	Xã Mỹ Thành	1.000	1.000		-	
	Thị trấn Mỹ Lộc	1.000	1.000		-	
	Xã Mỹ Tiến	1.000	1.000		-	
	Xã Mỹ Thắng	1.000	1.000		-	
	Xã Mỹ Hà	1.000		1.000	-	
	Xã Mỹ Phúc	1.000			1.000	
	Xã Mỹ Tân	1.000			1.000	
II	Hỗ trợ các xã, thị trấn có mô hình nông thôn mới kiểu mẫu theo quy định tại Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐND ngày 17/4/2020 của HĐND tỉnh Nam Định	5.500	1.000	4.000	500	
	Xã Mỹ Thịnh	500	500		-	
	Xã Mỹ Thành	500	500		-	
	Xã Mỹ Tân	500		500	-	
	Xã Mỹ Trung	500		500	-	
	Xã Mỹ Phúc	500		500	-	
	Xã Mỹ Hà	500		500	-	
	Xã Mỹ Thắng	500		500	-	
	Xã Mỹ Thuận	500		500	-	

STT	Đơn vị	Tổng vốn giai đoạn 2021-2025 (Theo Nghị quyết số 70/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022	Đã giao năm 2022, 2023	Kế hoạch năm 2024	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2025	Ghi chú
A	B	I	2	3	4=1-2-3	5
	Xã Mỹ Hưng	500		500	-	
	Thị trấn Mỹ Lộc	500		500	-	
	Xã Mỹ Tiên	500			500	
III	Hỗ trợ nâng cấp hạ tầng xã có ưu thế tiêu biểu về phát triển kinh tế nông thôn, phát triển du lịch nông thôn của huyện (Xã Mỹ Tân)	7.000	2.500	3.500	1.000	
IV	Hỗ trợ huyện xây dựng nông thôn mới theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM giai đoạn 2021-2025 phấn đấu đạt chuẩn huyện NTM nâng cao	10.000	6.000	4.000	-	
1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng dự án: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Hưng Lộc (Đoạn từ đường QL21A chợ Đặng qua UBND xã Mỹ Hưng đến Cầu Dừa đi thị trấn Mỹ Lộc và tuyến nhánh)	2.500	2.500		-	
2	Hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng nhà học chức năng 2 tầng, nhà bếp 1 tầng và các công trình phụ trợ trường mầm non Mỹ Tân	1.750	1.750		-	
3	Hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng nhà văn hóa trung tâm xã Mỹ Trung	1.750	1.750		-	
4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông đoạn từ Bưu điện huyện Mỹ Lộc đến hết khu dân cư Mỹ Tục thuộc tổ dân phố Thịnh Mỹ và tuyến nhánh	2.000		2.000	-	
5	Xây dựng, mở rộng cải tạo nâng cấp đường giao thông trục xã đoạn từ Chùa Nhuế đến trụ sở UBND xã Mỹ Thuận	2.000		2.000	-	
IV	Hỗ trợ HTX Liêm Trại xã Mỹ Thịnh làm tuyến đường giao thông nội đồng	500	-	500	-	



Biểu 04-NST

PHƯƠNG ÁN TRÌNH TỈNH ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TỪ NGUỒN ĐẦU GIÁ ĐẤT CÁC KHU ĐÔ THỊ, KHU (ĐIỂM) DÂN CƯ TẬP TRUNG, THU TÁI ĐỊNH CƯ, KHU ĐẤT GIAO CHO NHÀ ĐẦU TƯ THEO HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ ... GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của HĐND huyện Mỹ Lộc)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư					Quyết định quyết toán					Số Nghị quyết 13/NQ-HĐND ngày 19/10/2023	Dề nghị điều chỉnh		Dự kiến kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh						Số vốn còn thiếu so với TMDT hoặc GTQT sau điều chỉnh sau khi trừ đi lũy kế vốn cấp đến hết năm 2020 và kế hoạch trung hạn sau điều chỉnh	Số dự án
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Ngân sách tỉnh	Các nguồn vốn khác	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Ngân sách tỉnh	Các nguồn vốn khác		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	Điều chỉnh Kế hoạch năm 2023 đã giao	Kế hoạch năm 2024	Dự kiến kế hoạch năm 2025		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16=13+14-15	17	18	19	20	21	22	
II	HUYỆN MỸ LỘC	-	1.458.621	1.432.220	24.889	1.512	-	137.520	130.251	7.269	-	798.016	51.013	18.778	830.251	139.523	3.250	182.334	63.000	442.144	28.912	26
1	Các dự án đầu xây dựng hạ tầng khu đô thị, khu (điểm) dân cư tập trung, khu tái định cư		355.726	354.814	-	912	-	-	-	-	-	268.892	-	440	268.452	16.750	-	37.722	3.000	210.980	-	6
	- Xây dựng khu đô thị trấn Mỹ Lộc, huyện Mỹ Lộc	316 (17/02/16) 1677 (15/8/2016) 2002 (14/9/2018) 1280 (28/5/20) 67 (12/01/21) 2865 (27/12/21) 2430 (27/12/22)	120.000	119.598	-	402						33.236	-		33.236	16.750	-	8.665	2.000	5.821	-	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung tại xóm 5, xã Mỹ Hông, huyện Mỹ Lộc	1908 (01/9/21) 1057 (30/5/23)	32.826	32.716		110						32.716	-		32.716	-	-	29.057	1.000	2.659	-	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Mỹ Hà, huyện Mỹ Lộc	2452 (11/11/21)	22.000	21.900	-	100						21.900	-		21.900	-	-	-		21.900	-	1
	- Xây dựng Khu dân cư tập trung xóm 3, xã Mỹ Trung, huyện Mỹ Lộc	42/NQ-HĐND (26/4/22)	35.000	34.900	-	100						34.900	-		34.900	-	-	-		34.900	-	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung Thôn An Cỏ xã Mỹ Thành, huyện Mỹ Lộc	86/NQ-HĐND (02/12/21)	94.900	94.800	-	100						94.900	100		94.800	-	-	-		94.800	-	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Mỹ Hà, huyện Mỹ Lộc (giai đoạn 2)	83/NQ-HĐND (14/7/23)	51.000	50.900	-	100						51.240	340		50.900	-	-	-		50.900	-	1
2	Các công trình tình quyết định đầu tư		1.102.895	1.077.406	24.889	600		137.520	130.251	7.269	-	403.603	34.211	18.338	419.476	87.610	-	129.750	50.500	151.616	28.912	20

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư					Quyết định quyết toán					Tại Nghị quyết 13/NQ-HĐND ngày 19/10/2023	Đề nghị điều chỉnh		Dự kiến kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số vốn còn thiếu so với TMBT hoặc GTQT sau điều chỉnh sau khi trừ đi lũy kế vốn cấp đến hết năm 2020 và kế hoạch trung hạn sau điều chỉnh	Số dự án	
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Ngân sách tỉnh	Các nguồn vốn khác	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Ngân sách tỉnh	Các nguồn vốn khác		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	Điều chỉnh Kế hoạch năm 2023 đã giao	Kế hoạch năm 2024			Dự kiến kế hoạch năm 2025
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16=13+14-15	17	18	19	20	21	21	
a	CT đã phê duyệt quyết toán, bổ trí vốn đến hết năm 2021		128.566	128.566	-	-		122.981	122.981	-	-	9.741	-		9.741	9.741	-	-	-	-	0	2
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Thịnh - Thăng huyện Mỹ Lộc	1246 (07/6/17)	113.571	113.571	-	-	2410 (30/10/19)	109.414	109.414	-	-	9.650	-		9.650	9.650	-	-	-	-	-	1
	- Cải tạo, mở rộng khuôn viên trụ sở Huyện ủy - HĐND - UBND huyện Mỹ Lộc	2411 (30/10/18)	14.995	14.995	-	-	15 (06/01/21)	13.567	13.567	-	-	91	-		91	91	-	-	-	-	0	1
b	CT đã phê duyệt quyết toán, bổ trí vốn đến hết năm 2023		14.999	7.500	7.499	-		14.539	7.270	7.269	-	6.007	-		6.007	2.000	-	4.007	-	-	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Đại lộ Thiên Trường vào UBND xã Mỹ Thắng, huyện Mỹ Lộc	2972 (27/12/19)	14.999	7.500	7.499	-	878 (11/5/22)	14.539	7.270	7.269	-	6.007	-		6.007	2.000	-	4.007	-	-	-	1
c	CT đang thực hiện		303.330	285.340	17.390	600	-	-	-	-	-	285.340	-	18.338	267.002	75.869	-	125.743	42.000	23.390	18.338	10
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường đé Ất Hơi, huyện Mỹ Lộc (Đoạn từ QL21 tại Km134+963 đến đóc La xã Mỹ Tiến)	2062 (24/9/21)	80.576	80.576	-	-						80.576	-		80.576	38.800	-	34.000	-	7.776	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Thăng Hà, huyện Mỹ Lộc	2044 (23/9/21)	62.794	62.794	-	-						62.794	-		62.794	30.000	-	29.600	-	3.194	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Hưng Lộc, huyện Mỹ Lộc (đoạn từ QL21 chợ Đàng qua UBND xã Mỹ Hưng đến cầu Đưa đi thị trấn Mỹ Lộc và tuyến nhánh)	1243 (12/7/22)	14.990	12.490	2.500	-						12.490	-		12.490	-	-	10.000	1.000	1.490	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Thịnh Khánh, huyện Mỹ Lộc	2876 (28/12/21)	14.990	14.990	-	-						14.990	-		14.990	7.069	-	7.162	-	759	-0	1
	- Nâng cấp hệ thống trạm bơm Tân Đê và các công trình phụ trợ	1061 (30/5/23)	29.990	15.000	14.890	100						15.000	-		15.000	-	-	15.000	-	-	-	1
	- Cải tạo nâng cấp đường Hồng Long xã Mỹ Tân huyện Mỹ Lộc	1682 (25/8/23)	15.000	14.900		100						14.900		2.817	12.083	-	-	1.085	9.000	1.998	2.817	1
	- Cải tạo, nâng cấp đường Nam đường sá (Đoạn từ cầu Lê đến Cầu Giàng)	1131 (08/6/23)	14.990	14.890		100						14.890		6.693	8.197	-	-	7.538	-	659	6.693	1
	- Nâng cấp sửa chữa đường 63B từ cây xăng xã Mỹ Hà huyện Mỹ Lộc đến công Đá, xã An Ninh, huyện Bình Lục	1922 (29/9/23)	20.000	19.900		100						19.900		4.865	15.035	-	-	12.321	1.000	1.714	4.865	1
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Cầu Đàng xã Mỹ Hưng đến đường Thịnh Thăng huyện Mỹ Lộc	TB 111 (12/5/23)	35.000	34.900		100						34.900		3.963	30.937	-	-	4.037	23.000	3.900	3.963	1

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư					Quyết định quyết toán					Tại Nghị quyết 13/NQ-HĐND ngày 19/10/2023	Dề nghị điều chỉnh		Dự kiến kế hoạch trung hạn nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Số vốn còn thiếu so với TMDT hoặc GTQT sau điều chỉnh sau khi trừ đi lũy kế vốn cấp đến hết năm 2020 và kế hoạch trung hạn sau điều chỉnh	Số dự án	
		Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Ngân sách tỉnh	Các nguồn vốn khác	Số quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó: Tiền thu từ sử dụng đất	Ngân sách tỉnh	Các nguồn vốn khác		Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao	KH năm 2022 đã giao	Điều chỉnh Kế hoạch năm 2023 đã giao	Kế hoạch năm 2024			Dự kiến kế hoạch năm 2025
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16=13+14-15	17	18	19	20	21	21	
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ khu di tích đền Trần Quang Khải đến đường 485B, huyện Mỹ Lộc	1132 (08/6/23)	15.000	14.900		100						14.900		-	14.900		-	5.000	8.000	1.900	-	1
d	Các công trình khởi công mới		145.000	145.000	-	-	-	-	-	-	-	102.515	31.911		134.426	-	-	-	6.200	128.226	10.574	2
	- Nâng cấp cải tạo tuyến đường N3 sông Vinh Giang, huyện Mỹ Lộc		45.000	45.000								45.000	-533		44.467		-		6.200	38.267	533	1
	- Xây dựng tuyến đường trục trung tâm huyện (giai đoạn 1)		100.000	100.000								57.515	32.444		89.959		-			89.959	10.041	1
e	Các dự án chuẩn bị đầu tư		511.000	511.000									2.300		2.300	-	-	-	2.300	-	-	5
	Xây dựng hạ tầng Khu đô thị Đặng Xá thị trấn Mỹ Lộc		168.300	168.300									500		500				500			1
	Xây dựng hạ tầng Khu dân cư tập trung thôn La Chợ xã Mỹ Tiến, huyện Mỹ Lộc		98.700	98.700									500		500				500			1
	Xây dựng hạ tầng Khu dân cư tập trung Đông Trung Quyền, Tây Hào Quang thị trấn Mỹ Lộc, huyện Mỹ Lộc		63.000	63.000									500		500				500			1
	Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung xóm Đình xã Mỹ Thịnh, huyện Mỹ Lộc		21.000	21.000									300		300				300			1
	Xây dựng hạ tầng Khu dân cư tập trung xã Mỹ Hưng, huyện Mỹ Lộc		160.000	160.000									500		500				500			1
3	Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện, xã											125.521	16.802		142.323	35.163	3.250	14.862	9.500	79.548		